

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HSST

Ngày: 09 – 02 – 2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.

2. Ông Trần Hoàng Việt.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2022/TLST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/Trịnh Văn G, sinh năm 1995; tại huyện T, tỉnh S; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Trịnh Thị X (sống); chưa có vợ; Tiền án: Không, tiền sự: Bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S. Bị bắt từ ngày 01/6/2021 đến nay.

2/Đào Thanh R, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2004; tại huyện T, tỉnh S; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Thanh T (sống) và bà Trần Thị M (sống); chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không. Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/7/2021 cho đến nay.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/Ông Cam Huỳnh Tấn L, sinh ngày 29/8/2005 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh S.

2/Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

3/Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng hơn 15 giờ ngày 01/6/2021, Cam Huỳnh Tấn L điều khiển xe gắn máy chở Trịnh Văn G và Nguyễn Hoàng T đi tới quán cà phê thuộc ấp T, xã T, huyện T gặp Đào Thanh R sau đó tất cả cùng nhau đến trường học bỏ hoang thuộc ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S để sử dụng ma túy. Khi vào trong trường học bỏ hoang, L lấy ma túy, R thì lấy dụng cụ sử dụng ma túy, sau đó R lấy bạch ma túy của L xé ra, đổ vào trong nỏ rồi tất cả cùng nhau sử dụng. Mỗi người hút được 03-04 hơi thì hết phần ma túy của L mang đến, cả nhóm ngồi tại đó bấm điện thoại, khoảng 01 giờ sau thì G kêu R đi mua thêm 200.000 đồng ma túy về để tiếp tục sử dụng. Rồi điện thoại cho một người tên B để hỏi mua 200.000 đồng ma túy. Sau khi R gọi xong, G lấy tờ 500.000 đồng đưa cho R để đi mua ma túy. Trong thời gian đó thì L đi chở Nguyễn Hữu L đến để cùng sử dụng ma túy. R mua ma túy về xé một góc rồi đổ vào trong nỏ một phần để cùng nhau sử dụng. Phần ma túy còn lại trong bạch R dùng bật lửa hàn kín rồi để xuống nền gạch. G, T, R, L, L1 thay phiên nhau sử dụng số ma túy trong nỏ, khi đang sử dụng thì bị Công an phát hiện, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong tang vật theo quy định.

Căn cứ Bản kết luận giám định số 40/GĐMT-PC09 ngày 05/6/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh S kết luận: Mẫu tinh thể rắn trong suốt gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,1140 gram, loại Methamphetamine.

Tại Bản cáo trạng số: 01/CT-VKSTĐ ngày 16/12/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố Trịnh Văn G và Đào Thanh R về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Trịnh Văn G từ 07 năm tù đến 08 năm tù. Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm

2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt Đào Thanh R từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Đồng ý với lời luận tội của Vị đại diện Viện kiểm sát; bị cáo không tranh luận, không bào chữa cho mình; nói lời sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Về xử lý vật chứng: Số lượng ma túy còn lại sau giám định 0,0967g; một điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh dương, một điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, điện thoại di động hiệu Realme màu xanh lá (tất cả đã qua sử dụng); xe mô tô biển số 83PT-343.31, số khung RPEKCB3PEHA 323386, số máy VDEJQ139FM 2323386; tiền Việt Nam 290.000đ (Hai trăm chín mươi nghìn đồng); các dụng cụ dùng để sử dụng ma túy gồm: Một nắp chai nhựa màu đỏ có gắn một ống hút nhựa màu trắng và một cái nỏ bằng thủy tinh, một cái chai bằng nhựa, một bịch tấm bông, ba cái bật lửa. Các tang vật trên sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do các bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước, loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Đây là một tệ nạn xã hội gây tâm lý bức xúc trong quần chúng nhân dân. Do đó cần xử lý nghiêm để phòng ngừa và răn đe chung. Đối với bị cáo Trịnh Văn G có một tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Còn đối với bị cáo Đào Thanh R, bị cáo là người trực tiếp đi mua và cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy cho những người khác sử dụng. Trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc phân công vai trò, thể hiện sự câu kết chặt chẽ nên các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn.

[3] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Các bị cáo không có tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo không tiền án, tiền sự (bị cáo G có một tiền sự); do đó các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 (bị cáo R được áp dụng khoản 2 Điều 51) Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Riêng bị cáo Đào Thanh R khi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi do đó bị cáo được áp dụng Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự.

[4] Tại tòa hôm nay các bị cáo hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu và lời luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối chiếu hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện vừa nêu trên với các quy định của Bộ luật hình sự thì các bị cáo đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng truy tố các bị cáo theo điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội.

Tuy nhiên ngoài hành vi bị truy tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, bị cáo G và R còn có dấu hiệu phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tòa án đã hoàn trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng không được Viện kiểm sát chấp nhận. Theo quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng: Quá trình điều tra xác định số ma túy còn lại là của bị cáo G đưa tiền cho bị cáo R mua về để cùng sử dụng và khi đang sử dụng thì bị Công an bắt quả tang, mục đích của các bị cáo là sử dụng liên tục, tại chỗ hết phần ma túy đã mua nhưng do bị bắt quả tang nên mới bị thu giữ số ma túy còn lại (khối lượng 0,1140 gram). Quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng hành vi của các bị cáo không phải là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy vì các bị cáo mua ma túy về sử dụng hết ngay tại chỗ, không có ý định tàng trữ. Đây là quan điểm chưa chính xác. Khi mua về để sử dụng, các bị cáo phải có thời gian vận chuyển chất ma túy từ địa điểm mua về địa điểm sử dụng, sau đó phải có thời gian chuẩn bị các điều kiện khác để có thể sử dụng trái phép được chất ma túy như công cụ, phương tiện để sử dụng, chia nhỏ chất ma túy để cùng sử dụng... Trong những khoảng thời gian này, các bị cáo đã thực hiện hành vi cất giữ bất hợp pháp chất ma túy để sử dụng và đây là một dạng biểu hiện của hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Nhưng do giới hạn của việc xét xử được quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[5] Về xử lý vật chứng: (Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a, c khoản 2; a, b khoản 3 Điều 106 Bộ Luật Tố tụng hình sự năm 2015).

- Số lượng ma túy còn lại sau giám định 0,0967g; một nắp chai nhựa màu đỏ có gắn một ống hút nhựa màu trắng và một cái nỏ bằng thủy tinh, một cái chai bằng nhựa, một bịch tấm bông, ba cái bật lửa. Cần tịch thu tiêu hủy.

- Một điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh dương, một điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, điện thoại di động hiệu Realme màu xanh lá (tất cả đã qua sử dụng); xe mô tô biển số 83PT-343.31, số khung RPEKCB3PEHA 323386, số máy VDEJQ139FM 2323386; tiền Việt Nam 290.000đ (Hai trăm chín mươi nghìn đồng). Hoàn trả lại cho chủ sở hữu.

[6] Đối với Cam Huỳnh Tấn L có hành vi cung cấp ma túy để những người khác cùng sử dụng đã có dấu hiệu của tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 255 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên do khi thực hiện hành vi L mới 15 tuổi 11 tháng 02 ngày, không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự nên hành vi của L chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

[7] Đối với Nguyễn Hữu L1 và Nguyễn Hoàng T đã bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 39/QĐ-TA ngày 07/7/2021 và Quyết định số 44/QĐ-TA ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[8] Đối với thanh niên tên B là người bán ma túy cho bị cáo R và người bán ma túy cho L do không rõ nhân thân, lai lịch cụ thể nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ:

- Điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136; điểm a, c khoản 2; a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Trịnh Văn G.

- Điểm b, c khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136; điểm a, c khoản 2; a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Đào Thanh R.

2/Tuyên bố: Các bị cáo Trịnh Văn G và Đào Thanh R phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

3/Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Trịnh Văn G 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 01/6/2021.

- Xử phạt bị cáo Đào Thanh R 05 (năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4/Về xử lý vật chứng:

- Tiêu hủy: Số lượng ma túy còn lại sau giám định 0,0967g; một nắp chai nhựa màu đỏ có gắn một ống hút nhựa màu trắng và một cái nỏ bằng thủy tinh, một cái chai bằng nhựa, một bịch tấm bông, ba cái bật lửa.

- Hoàn trả:

+ Hoàn trả một điện thoại di động hiệu Redmi màu xanh dương (đã qua sử dụng), số IMEI 1: 864534056228375; số IMEI 2: 865434056228383 và tiền Việt Nam 290.000đ (Hai trăm chín mươi nghìn đồng) cho Trịnh Văn G.

+ Hoàn trả một điện thoại di động hiệu Realme màu xanh lá (đã qua sử dụng), số IMEI 1: 8685950406092; số IMEI 2: 868595040406084 cho Đào Thanh R.

+ Hoàn trả một điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ (đã qua sử dụng), số IMEI 1: 8641567382004150; số IMEI 2: 864156738204168 cho Cam Huỳnh Tấn L.

+ Hoàn trả một xe gắn máy biển kiểm soát 83PT-343.31, số khung RPEKCB3PEHA 323386, số máy VDEJQ139FM 2323386 cho bà Huỳnh Thị T (mẹ của Cam Huỳnh Tấn L).

(Các vật chứng trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S đang quản lý).

- Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn G và Đào Thanh R mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh S xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TANDT tỉnh S (P.KTNV&THA);
- VKSND tỉnh S;
- Sở tư pháp tỉnh S;
- VKSND huyện T;
- CAND huyện T (CQCSĐT; Bộ phận HSNVCS;
- CQTHAHS; Nhà tạm giữ);
- THADS huyện T;
- Lưu (HSVA; TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng